

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ GTVT**  
Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI  
(Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,  
đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế  
thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW), Bộ Giao thông vận tải ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW với các nội dung sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

1. Quán triệt, thực hiện quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 29-NQ/TW đối với ngành Giao thông vận tải.

2. Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ đối với ngành Giao thông vận tải, góp phần cung cấp nhân lực cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

3. Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Củng cố các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giao thông vận tải.

4. Đối với các nội dung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng do Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước (đào tạo lái xe cơ giới đường bộ, điều khiển phương tiện thủy nội địa, huấn luyện thuyền viên...), bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống.

## **II. Nhiệm vụ, giải pháp**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo trong ngành Giao thông vận tải**

*a) Về quán triệt thực hiện Nghị quyết và công tác phát triển Đảng đối với các trường trong ngành Giao thông vận tải*

- Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa, lồng ghép các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo trong công tác lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển giao thông vận tải; tạo sự đồng thuận cao coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục đối với các trường trong ngành Giao thông vận tải.

- Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường trong Ngành, trước hết là trong đội ngũ giáo viên.

- Cấp ủy trong các trường phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

*b) Về Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giao thông vận tải*

Tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 1576/QĐ-BGTVT ngày 19/7/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT). Trên cơ sở nội dung Quy hoạch, đặt hàng, giao chỉ tiêu cho các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức thực hiện.

### **2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học**

*a) Các trường trong Ngành thực hiện công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra và đổi mới chương trình đào tạo*

- Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, các trường trong Ngành xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục và đào tạo; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề theo hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành.

- Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Dạy ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng của người học.

#### *b) Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học*

- Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

- Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

### **3. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan**

#### *a) Đổi mới việc thi, kiểm tra, phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp*

- Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

- Đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở kiến thức, năng lực thực hành, ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp. Có cơ chế để tổ chức và cá nhân sử dụng lao động tham gia vào việc đánh giá chất lượng của cơ sở đào tạo.

#### *b) Đổi mới về đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo*

- Đánh giá kết quả đào tạo đại học theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc.

- Các trường trong ngành nghiên cứu, áp dụng đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ tham mưu, đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo.

**4. Thực hiện các nhiệm vụ góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập**

#### *a) Về quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo của ngành Giao thông vận tải*

- Tiếp tục thực hiện nội dung quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo theo Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2020, gắn với các nội dung quy hoạch phát triển giao thông vận tải đã được phê duyệt. Phê duyệt quy hoạch các cơ sở đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi toàn quốc trong Quý I/2014.

- Củng cố và phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Đối với giáo dục đại học tập trung vào các trường trọng điểm của Ngành (4 trường đại học, học viện), trong đó xây dựng và triển khai Đề án Xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thành trường trọng điểm Quốc gia. Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề đối với 8 trường dạy nghề thuộc Bộ đã được lựa chọn để hỗ trợ đầu tư (trong đó các nghề trọng điểm gồm 8 nghề cấp quốc tế, 4 nghề cấp khu vực và 9 nghề cấp quốc gia).

- Các trường đẩy mạnh triển khai các nội dung về giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

b) *Tiếp tục khuyến khích xã hội hóa giáo dục, đào tạo và thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo*

- Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo.

- Tăng tỷ lệ các cơ sở đào tạo ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành giao thông vận tải, đặc biệt là về các lĩnh vực có khả năng xã hội hóa cao như đào tạo, sát hạch, lái xe cơ giới đường bộ.

- Các trường trong Ngành thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học theo quy định.

**5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng**

- Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Phối hợp các Bộ, ngành liên quan tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về chương trình, nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo trực thuộc. Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học-công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

- Thực hiện chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra theo hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành.

- Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo.

- Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường. Thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

**6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo**

- Các trường rà soát, tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển nhân lực của trường đã được phê duyệt; xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội,

bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo.

- Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Quan tâm, thực hiện chính sách của Nhà nước về hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học. Tạo điều kiện để chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong ngành.

- Triển khai các giải pháp, mô hình liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học với các tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các viện nghiên cứu.

**7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo**

- Đối với giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp, thực hiện cơ chế đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế-kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo theo hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành, bảo đảm chi trả tương ứng với chất lượng, phù hợp với ngành nghề và trình độ đào tạo. Minh bạch hóa các hoạt động liên danh, liên kết đào tạo, sử dụng nguồn lực công; bảo đảm sự hài hòa giữa các lợi ích với tích lũy tái đầu tư.

- Đẩy mạnh triển khai Đề án Xã hội hoá công tác đào tạo của Bộ GTVT giai đoạn 2013-2020 (*Quyết định số 945/QĐ-BGTVT ngày 11/4/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT*) và chỉ đạo các trường thuộc Bộ thực hiện đề án xã hội hóa của trường đã được phê duyệt; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín.

- Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo.

- Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật các trường, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin.

**8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý**

- Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số cơ sở giáo dục đại học. Khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

- Khuyến khích thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở đào tạo. Thực hiện cơ chế đặt hàng và giao kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

### **9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo**

- Chủ động hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa và thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại.

- Khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo.

- Khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ về giao thông vận tải tại Việt Nam.

Trong các nhiệm vụ, giải pháp nói trên, giải pháp “đổi mới chính sách, cơ chế tài chính” và “phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” là các giải pháp then chốt, “đổi mới kiểm tra, thi và đánh giá” là khâu đột phá.

### **III. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, các quan, đơn vị trong ngành chủ động triển khai Chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị mình; một số nội dung phân công như sau:

#### **1. Vụ Tổ chức cán bộ**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo liên quan của Nghị quyết và Chương trình hành động này của Ban Cán sự đảng Bộ. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành GTVT giai đoạn 2011 - 2020 và các Đề án, Kế hoạch, Chỉ thị của Bộ trưởng liên quan đến Quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh thực hiện Đề án Xã hội hoá công tác đào tạo của Bộ GTVT giai đoạn 2013-2020. Chỉ đạo các trường triển khai đề án xã hội hoá công tác đào tạo của trường đã được Bộ trưởng phê duyệt.

c) Tham mưu, chỉ đạo xây dựng hoàn thiện các chương trình đào tạo, huấn luyện thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

d) Triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức, cán bộ tại các trường thuộc Bộ; tham mưu cho Lãnh đạo Bộ các giải pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém nhằm ổn định và duy trì vững chắc hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc Bộ.

đ) Tham mưu trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo về công tác đào tạo theo nhu cầu xã hội và thực hiện Đề án Xã hội hóa công tác đào tạo của Bộ GTVT giai đoạn 2013-2020 (Quyết định số 1111/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013) do Thứ trưởng là Trưởng Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ là Phó trưởng Ban, các Ủy viên Ban Chỉ đạo là đại diện Lãnh đạo các Cơ quan, đơn vị liên quan.

e) Chủ trì đôn đốc, tổng hợp và định kỳ hàng năm báo cáo Ban cán sự tình hình thực hiện Chương trình hành động.

## **2. Vụ Kế hoạch-Đầu tư**

a) Lồng ghép các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo trong công tác lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển giao thông vận tải.

b) Tham mưu, chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường. Quan tâm tìm nguồn cho các dự án đào tạo thông qua các dự án ODA; các công trình trọng điểm của Ngành.

c) Hướng dẫn các Trường các chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai... trong việc thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nhằm khuyến khích, huy động các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tích cực tham gia đầu tư phát triển giáo dục-đào tạo.

## **3. Vụ Tài chính**

a) Chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch-Đầu tư, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học-Công nghệ và các cơ quan liên quan cân đối bố trí, kết hợp các nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên triển khai.



b) Hướng dẫn các Trường các chính sách ưu đãi về cơ chế tài chính và các chính sách liên quan như thuế, tín dụng... trong việc thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục-đào tạo nhằm khuyến khích, huy động các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tích cực tham gia đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo.

c) Hướng dẫn các Trường cơ chế tự chủ về tài sản để tạo điều kiện thuận lợi cho các Trường trong việc thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục, đào tạo.

#### **4. Vụ Khoa học-Công nghệ**

a) Tham mưu, đề xuất giao cho các trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ dưới các hình thức chương trình, đề tài, dự án do Bộ chủ trì thực hiện.

b) Hướng dẫn các trường thuộc Bộ trong việc triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

#### **5. Vụ Hợp tác quốc tế**

a) Chủ trì, tham mưu về việc gia nhập các điều ước, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến công tác giáo dục, đào tạo trong ngành Giao thông vận tải.

b) Chủ trì, đề xuất việc phối hợp, kết nối các chương trình hợp tác nhằm thu hút các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ về giao thông vận tải tại Việt Nam.

#### **6. Vụ Pháp chế**

Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các cơ quan liên quan rà soát, đề nghị bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng do Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước.

#### **7. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành, các Ban Quản lý dự án, các Trường, Học viện, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải**

a) Phối hợp với các cấp ủy đảng tổ chức việc học tập, quán triệt tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động của Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế tại cơ quan, đơn vị.

b) Căn cứ Chương trình hành động của Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải, xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị mình trước ngày 15/12/2013 và tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình thực hiện Chương trình, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

*Trọng*

**Nơi nhận:**

- Bí thư BCS;
- Các đ/c UV BCS;
- VP TW và các Ban đảng TW;
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp TW;
- Đảng ủy Khối các cơ quan TW;
- Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ (đề t/h);
- Các Sở GTVT (đề t/h);
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VP BCS, TCCB.

TM. BAN CÁN SỰ ĐẢNG

BÍ THƯ



Đ. LA THẮNG